TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM BÌNH** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 56/2019/HNGĐ-ST Ngày: 30 – 5 – 2019 V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Văn Năm

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Thạch Khương

2. Ông Trần Văn Thơi

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Kim Huyền – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 44/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2019 về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Ngô Thị Kim D, sinh năm 1995 (có mặt)

- *Bị đơn*: Anh Lê Hoàng A, sinh năm 1994 (vắng mặt)

Cùng nơi cư trú: Ấp Z, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 02 năm 2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Ngô Thị Kim D trình bày:

Chị và anh Lê Hoàng A thành hôn năm 2013 và đăng ký kết hôn ngày 24/7/2014 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian vợ chồng hạnh phúc gần 03 năm, đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do thường bất đồng ý kiến với nhau, anh A thường xuyên đi nhậu không lo làm ăn, không quan tâm đến vợ con. Từ năm 2018 vợ chồng sống ly thân cho đến nay không trở về đoàn tụ. Sau thời gian sống ly thân, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu được ly hôn với anh A. Về con chung, vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Huỳnh Khả A, sinh ngày 11/8/2014 hiện chị đang nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu nuôi con, không yêu cầu anh A cấp dưỡng. Về tài

sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Lê Hoàng A đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng đều vắng mặt tại các phiên họp, phiên hòa giải, không giao nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị D cũng như theo yêu cầu của Tòa án. Anh A đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện, lời trình bày của chị Ngô Thị Kim D và anh Lê Hoàng A, kết luận: quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn và nuôi con quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng Dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2]. *Về thủ tục tố tụng*: Anh Lê Hoàng A đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh A.

[3]. *Về hôn nhân*: Chị D và anh A là vợ chồng hợp pháp có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Xuất phát từ việc anh A không lo làm ăn, thường hay đi nhậu. Anh chị có thời gian sống ly thân từ năm 2018 đến nay không trở về đoàn tụ. Chị D xác định không còn tình cảm vợ chồng, không muốn ý tiếp tục chung sống với anh A. Nội dung phát sinh mâu thuẫn đã được Tòa án thụ lý và đã ra giấy triệu tập anh A đến để hòa giải giúp đỡ đoàn tụ nhưng anh A đều vắng mặt không lý do và không gửi ý kiến bằng văn bản đến tòa án. Như vậy có cơ sở kết luận tình cảm vợ chồng giữa chị D và anh A không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung giữa chị D và anh A không thể kéo dài nên xét yêu cầu xin ly hôn của chị D là có căn cứ, phù hợp với khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. *Về con chung*: Chị D và anh A có 01 con chung tên Lê Huỳnh Khả A, sinh ngày 11/8/2014. Chị D yêu cầu nuôi con, không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy cháu A mới hơn 4 tuổi, thời gian chị D và anh A ly thân cháu A sống với chị D; để đảm bảo cho việc phát triển về thể chất và tâm sinh lý của cháu A; mặc khác cháu A là bé gái nên cần sự quan tâm chăm sóc, chia sẻ của mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị D, giao cháu A cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ tại các điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị D không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Anh A có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[5]. *Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng*: Chị D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị Ngô Thị Kim D phải nộp theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự và tại Điều 6, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Cụ thể chị D phải chịu án phí ly hôn số tiền 300.000 đồng án phí và được khấu trừ vào trong số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 6, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Ngô Thị Kim D. Xử cho chị D ly hôn với anh Lê Hoàng A.

2. Về con chung: Giao con chung tên Lê Huỳnh Khả A, sinh ngày 11/8/2014 cho chị Ngô Thị Kim D tiếp tục nuôi dưỡng, anh Lê Hoàng Ao không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh A có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Chị D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Ngô Thị Kim D nộp 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)*. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* chị D đã nộp theo biên lai thu số No 0011566 ngày 13/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình. Chị D đã nộp đủ tiền án phí.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

6. Vụ án được xét xử công khai. Chị D có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh A vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ, để chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án đến Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Tam Bình;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình;
- Ủy ban nhân dân xã T - T, tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lâm Văn Năm